

Bản án số: 41/2023/HS-ST
Ngày 27 - 10 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bạch Đình Ca;

Ông Nguyễn Hồng Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Đình Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2023/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đặng Minh V** (tên gọi khác: không); Sinh ngày 04 tháng 11 năm 1982, tại thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: **Số D Lô I, Cư xá T, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh**. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Phật giáo. Nghề nghiệp: Lái xe. Trình độ học vấn: 9/12. Giới tính: Nam. Con ông **Đặng H**, sinh năm 1938 (đã chết) và bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1943. Bị cáo có vợ tên là **Lý Kim O**, sinh năm 1984 (đã ly hôn) và một người con, sinh năm 2002.

Tiền án: Có 01 tiền án, cụ thể: Ngày 31/8/2004, bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù, về tội: “*Cướp giật tài sản*” tại bản án hình sự sơ thẩm số 1492/2004/HSST. Đến ngày 15/5/2007, chấp hành xong hình phạt, tuy nhiên bị cáo chưa đóng 50.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nên chưa được xóa án tích.

Tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 05/11/2003 bị Công an Quận B, thành phố Hồ Chí Minh bắt về hành vi gây rối trật tự công cộng, tuy nhiên sau đó lập danh chỉ bản giải tỏa và không xử lý.

- Ngày 04/3/2012 bị Tòa án nhân dân Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội: “Cướp giật tài sản” tại bản án hình sự sơ thẩm số 220/2012/HSST. Đến ngày 04/3/2016 chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/6/2023 cho đến nay vẫn đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

(Có mặt).

Người bị hại: Bà Niê Lê Thị H1, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số A, đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Người làm chứng: Bà Ngô Thị Hồng V1, sinh năm 1969. Địa chỉ : Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 10 phút ngày 04/6/2023, Đặng Minh V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 59S3-723.89 đi từ tỉnh Gia Lai sang tỉnh Lâm Đồng để thăm người thân. Khi V đi qua quán cà phê “Thủy N1” thuộc địa bàn thôn K, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, thì phát hiện xe ô tô biển kiểm soát 47A-172.97 của bà Niê Lê Thị H1 (sinh năm 1974, trú tại số A, đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) đang dừng bên phải đường trước quán cà phê “Thủy N1”, còn cửa xe ô tô phía trước bên ghế lái đang mở và trên ghế bên tài có một túi xách màu đỏ. Đồng thời, V nhìn thấy chị H1 đang đứng nghe điện thoại trước đầu xe ô tô cách khoảng 4m đến 5m và mặt đang quay về hướng xe (chị H1 mở cửa xe để xuống nghe điện thoại tuy nhiên vẫn nhìn về phía xe để quản lý tài sản). Lúc này, V nghĩ trong túi xách có tài sản nên đã điều khiển xe mô tô đi qua chị H1 khoảng 20 m rồi quay xe lại vị trí xe ô tô đang mở cửa, dùng tay trái nhanh chóng lấy chiếc túi xách màu đỏ trên ghế tài. Khi V vừa lấy được túi xách thì lúc này chị H1 phát hiện và chạy lại để giữ tài sản, đồng thời tri hô mọi người thì V đã điều khiển xe mô tô cầm theo túi xách bỏ chạy. Ngay lúc đó chị H1 điện thoại báo Công an huyện Cư Kuin và ngay lập tức Công an huyện Cư Kuin đã bố trí lực lượng truy đuổi để bắt giữ đối với V. Đến 18 giờ 30 cùng ngày, khi V bỏ chạy đến địa bàn xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thì bị lực lượng Công an huyện Cư Kuin phối hợp với Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng bắt được và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Thu giữ 01 túi xách màu đỏ nhãn hiệu VASCARA; bên trong túi xách có số tiền 9.200.000 đồng; 01 ví da bên trong có số tiền 845.000 đồng; 01 thẻ căn cước công dân mang

tên Niê **Lê Thị H1**; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 47A-172.97; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 47P9-6893; 01 thẻ ATM **V2**.

* Tại Kết luận định giá tài sản số: 28/KL-HĐĐGTS ngày 06/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự **huyện C** kết luận: “*Một túi xách nữ, hiệu Vascara, màu đỏ, tại thời điểm định giá ngày 04/6/2023, có giá trị là 977.000 đồng*”.

* Tại Kết luận định giá tài sản số: 36/KL-HĐĐGTS ngày 10/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự **huyện C** kết luận: “*Xe mô tô mang biển kiểm soát 59S3-723.89, nhãn hiệu HONDA, số loại VARIO tại thời điểm định giá ngày 04/6/2023, có giá trị tài sản 31.000.000 đồng*”.

* **Về vật chứng vụ án:** Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin đã thu giữ 01 túi xách màu đỏ nhãn hiệu VASCARA; số tiền 9.200.000 đồng; 01 ví da bên trong có số tiền 845.000 đồng; 01 thẻ căn cước công dân mang tên Niê **Lê Thị H1**; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 47A-172.97; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 47P9-6893; 01 thẻ ATM **V2**.

Quá trình điều tra, bị cáo **V** còn giao nộp 01 xe mô tô biển kiểm soát 59S3 - 723.89; 01 Giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 59S3 - 723.89; 01 Giấy phép lái xe hạng A1, B2 mang tên **Đặng Minh V**; 01 thẻ căn cước công dân mang tên **Đặng Minh V**; 01 thẻ ATM **V3** mang tên DANG MINH V; 01 thẻ VICTORIA mang tên DANG MINH V; 01 Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ lái xe kinh doanh vận tải mang tên **Đặng Minh V**; 01 điện thoại di động Sam sung, nhãn hiệu A13, màu đen và 01 đồng hồ hiệu SEVENPRIDAY màu đen, xanh, đỏ.

* **Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại là bà Niê **Lê Thị H1** đã nhận lại đầy đủ 01 túi xách màu đỏ nhãn hiệu VASCARA, số tiền 9.200.000 đồng cùng các tài sản khác mà bị cáo **V** đã chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo nên không xem xét giải quyết.

Cáo trạng số: 34/CT-VKS-HS ngày 29/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo **Đặng Minh V** bị truy tố về tội: “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa giữ nguyên tội danh như bản cáo trạng đã truy tố bị cáo. Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của bị cáo gây ra, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Đặng Minh V** phạm tội: “*Cướp giật tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Đặng Minh V** mức án từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại đầy đủ các tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không giải quyết.

+ Về vật chứng vụ án: Áp dụng các Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Công nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin giao trả 01 túi xách màu đỏ, nhãn hiệu VASCARA; 01 căn cước công dân mang tên Niê Lê Thị H1; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 47P9-6893; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 47A-172.97; 01 thẻ ATM V2 và số tiền 9.200.000 đồng (Chín triệu, hai trăm nghìn đồng) cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Niê Lê Thị H1.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước đối với xe mô tô biển kiểm soát 59S3-723.89 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 59S3-723.89 là tài sản của bị cáo Đặng Minh V và đã sử dụng vào việc phạm tội.

- Trả lại cho bị cáo Đặng Minh V đối với 01 ví da; 01 Giấy phép lái xe hạng A1, B2 mang tên Đặng Minh V; 01 thẻ căn cước công dân mang tên Đặng Minh V; 01 thẻ ATM V3 mang tên DANG MINH VU; 01 thẻ VICTORIA mang tên DANG MINH VU; 01 Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ lái xe kinh doanh vận tải mang tên Đặng Minh V; 01 điện thoại di động Sam sung, nhãn hiệu A13, màu đen và 01 đồng hồ hiệu SEVENPRIDAY màu đen, xanh, đỏ và số tiền 845.000 đồng (Tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa bị cáo Đặng Minh V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã mô tả và đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin là đúng người, đúng tội, không oan sai. Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Cư Kuin, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Đặng Minh V tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm và loại tài sản mà bị cáo đã cướp giật của bị hại, phù hợp với các chứng cứ khác đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ vụ án. Qua đó có đủ cơ sở để kết luận: Vào lúc 16 giờ 10 ngày 04/6/2023 tại thôn K, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của người bị hại trong việc bảo quản tài sản bị cáo Đặng Minh V đã có hành vi cướp giật 01 túi xách của bà Niê Lê Thị H1' Xuân có trị giá 977.000 đồng và bên trong có số tiền 9.200.000 đồng; 01 căn cước

công dân mang tên Niê **Lê Thị H1**; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 47P9-6893; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 47A-172.97 và 01 thẻ ATM **V2**. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 10.177.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận bị cáo **Đặng Minh V** phạm tội: “*Cướp giật tài sản*” theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là một trong những quyền cơ bản được pháp luật hình sự Nhà nước ta bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đủ khả năng để nhận thức được hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị xử phạt nhưng vẫn cố ý thực hiện. Ngoài ra, bị cáo là người có nhân thân xấu và có một tiền án nên cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội và cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân lương thiện, đồng thời cũng để phòng ngừa tội phạm đối những người khác.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội khi chưa được xóa án tích về tội: “*Cướp giật tài sản*” tại bản án hình sự sơ thẩm số 1492/2004/HSST, ngày 31/8/2004 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*Tái phạm*” tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng vụ án:

- Đối với 01 túi xách màu đỏ, nhãn hiệu VASCARA; số tiền 9.200.000 đồng; 01 căn cước công dân mang tên Niê **Lê Thị H1**; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 47P9-6893; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 47A-172.97; 01 thẻ ATM **V2** là tài sản hợp pháp của bà Niê **Lê Thị H1** bị **V** chiếm đoạt. Do vậy, việc Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện** Cư Kuin đã trả lại các tài sản trên cho bà Niê **Lê Thị H1** là đúng pháp luật cần công nhận

- Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 59S3-723.89, thì quá trình điều tra xác định được đây là tài sản riêng hợp pháp của bị cáo **Đặng Minh V** và đã sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu chiếc xe mô tô này và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 59S3-723.89 để sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 ví da; 01 Giấy phép lái xe hạng A1, B2 mang tên **Đặng Minh V**; 01 thẻ căn cước công dân mang tên **Đặng Minh V**; 01 thẻ ATM **V3** mang tên DANG MINH V; 01 thẻ VICTORIA mang tên DANG MINH V; 01 Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ lái xe kinh doanh vận tải mang tên **Đặng Minh V**; 01 điện thoại di động Sam sung, nhãn hiệu A13, màu đen và 01 đồng hồ hiệu SEVENPRIDAY màu đen, xanh, đỏ và số tiền 845.000 đồng là tài sản hợp pháp của bị cáo **V** và **V** không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo **V**

[8] Về án phí: Bị cáo **Đặng Minh V** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Đặng Minh V** phạm tội: “*Cướp giật tài sản*”.
2. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Đặng Minh V** 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày 05/6/2023.
3. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.
 - Công nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện** Cư Kuin giao trả 01 túi xách màu đỏ, nhãn hiệu VASCARA; 01 căn cước công dân mang tên **Niê Lê Thị H1**; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 47P9-6893; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 47A-172.97; 01 thẻ ATM **V2** và số tiền số tiền 9.200.000 đồng (*Chín triệu, hai trăm nghìn đồng*) cho chủ sở hữu hợp pháp là bà **Niê Lê Thị H1**.
 - Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước đối với xe mô tô biển kiểm soát 59S3-723.89 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 59S3-723.89 là tài sản của bị cáo **Đặng Minh V** đã sử dụng vào việc phạm tội.
 - Trả lại cho bị cáo **Đặng Minh V** đối với 01 ví da; 01 Giấy phép lái xe hạng A1, B2 mang tên **Đặng Minh V**; 01 thẻ căn cước công dân mang tên **Đặng Minh V**; 01 thẻ ATM **V3** mang tên DANG MINH V; 01 thẻ VICTORIA mang tên DANG MINH V; 01 Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ lái xe kinh doanh vận tải mang tên **Đặng Minh V**; 01 điện thoại di động Sam sung, nhãn hiệu A13, màu đen và 01 đồng hồ hiệu SEVENPRIDAY màu đen, xanh, đỏ và số tiền 845.000 đồng (*Tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*).
- (Đặc điểm của vật chứng theo như biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/10/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).
4. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo **Đặng Minh V** phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I-TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- CQCSĐT Công an huyện Cư Kuin;
- CCTHADS huyện k;
- Sở tư pháp;
- Phòng HSNVCA Đắk Lắk;
- UBND phường 27, quận B, Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ QUỐC ĐỊNH